

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24/8/2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Toàn Thắng.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Hiền, bà Đoàn Hải Yến
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên.
- *Đại diện VKSND huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Dung -
Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 28/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Ngọc H**, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Tr, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Th, xã N, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Anh Hoàng Ngọc H) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H kết hôn với chị T do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2018 tại UBND xã Đ1, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T lừa dối anh và gia đình anh về kinh tế và tình cảm dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Đến tháng 6/2019 thì chị T tự bỏ về xã N, huyện V, tỉnh T với mẹ đẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị T nên xin được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị T trình bày: Chị thừa nhận thời gian kết hôn và quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn như anh Hậu đã trình bày là đúng nhưng chị cho rằng không lừa dối anh H. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 đến nay không liên lạc với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh H xin ly hôn chị không đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa giải quyết xong

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện Đ, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Anh H kết hôn với chị T do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2018 tại UBND xã Đ1, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không tu chí làm ăn và do chị T thường xuyên nói dối anh H và gia đình anh về việc chị có thai để không chịu đi làm và được mẹ chồng chăm sóc và mua sắm quần áo dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn căng thẳng. Đến tháng 6/2019 thì chị T tự bỏ về xã N, huyện V với mẹ đẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay anh H xin ly hôn chị T thì địa phương đề nghị giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh H chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh H chị T không có.

* Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Anh H kết hôn với chị T do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2018 tại UBND xã Đ1, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, và đã ly thân từ tháng 6/2019 và chị T đã bỏ về xã N, huyện V sống với mẹ đẻ từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay anh H xin ly hôn chị T thì địa phương đề nghị Tòa án căn cứ thực trạng của anh H chị T và quy định của pháp luật để giải quyết, vì thực trạng của anh H chị T khó có thể hàn gắn để đoàn tụ.

Về con chung: Anh H chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh H chị T không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Đã chấp hành một phần các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Ngọc H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh H chị T không có con chung. Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh H chị T không có. Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh H có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị T cư trú tại thôn T1, xã N, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Tại phiên tòa anh H xin vắng mặt. Chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H kết hôn với chị T do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2018 tại UBND xã Đ1, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không tu chí làm ăn và do chị T thường xuyên nói dối anh H và gia đình anh về việc chị có thai để không chịu đi làm và được mẹ chồng chăm sóc và mua sắm quần áo dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn căng thẳng. Đến tháng 6/2019 thì chị T tự bỏ về xã N, huyện V, tỉnh T với mẹ đẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho anh H được ly hôn chị T là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh H chị T không có con chung. Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh H chị T không có. Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Ngọc H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ □n phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Chuyển số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 3738 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã Đ1, huyện Đ, tỉnh T
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng